

Khả năng : **Lưu trữ :** 36CXD7 **Năm học :** 2012-2013 **Ngày VHT :** 2
(30,0,0,0,0,0)
Hạng T : **Hạng phân :** 122067100712 - Quy hoạch tuyển sinh **Hạng K8 :** HK02

STT	Mã S	L P SV	H Vê TqN	NGÀY SINH	q IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	q IqM THI	QUY TS : 70.00%	q IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671031456	36CXD7	Nguy n Tê Anh	10/10/1994				7.8			7.8	2.3	4.0	2.8	5.1	
2	3671031305	36CXD7	Nguy n Vên Bô	19/05/1994				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
3	3671031458	36CXD7	Nguy n Vên Bình	04/01/1994				3.0			3.0	0.9	6.5	4.6	5.5	
4	3671031512	36CXD7	Nguy n Quang Công	16/09/1989				2.0			2.0	0.6	5.5	3.9	4.5	
5	3671031584	36CXD7	q Thanh C	31/05/1994				2.0			2.0	0.6	3.5	2.5	3.1	
6	3671031454	36CXD7	Trên Quang Chung	30/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
7	3671031591	36CXD7	Nguy n Bnh Danh	16/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
8	3671031489	36CXD7	q í p Vên Duy	05/10/1993				3.0			3.0	0.9	3.5	2.5	3.4	
9	3671031295	36CXD7	Bá Quang q ng	04/03/1993				4.5			4.5	1.4	7.0	4.9	6.3	
10	3671031523	36CXD7	L Vên q	20/11/1994				4.5			4.5	1.4	1.0	0.7	2.1	
11	3671031301	36CXD7	Ho ng Vên q c	21/09/1994				3.0			3.0	0.9	2.0	1.4	2.3	
12	3671031549	36CXD7	Nguy n q Eng Hq	12/03/1993				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
13	3671031514	36CXD7	Nguy n Vên Hq	02/06/1994				10.0			10.0	3.0	9.0	6.3	9.3	
14	3671031488	36CXD7	L Vên Hdu	06/04/1993				3.0			3.0	0.9	6.0	4.2	5.1	
15	3671031550	36CXD7	Nguy n C ng Hi Ju	12/09/1994				3.0			3.0	0.9	7.5	5.3	6.2	
16	3671031552	36CXD7	Trên Minh Hi Ju	13/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
17	3671031575	36CXD7	Hu nh Quang Hi p	02/10/1994				5.5			5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	
18	3671031287	36CXD7	Nguy n Nhđ Huy	09/11/1994				5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
19	3671031476	36CXD7	q Tê Khang	11/02/1994				10.0			10.0	3.0	6.5	4.6	7.6	

Kh. a ḥ c : **Ḷ p ḥ c :** 36CXD7 **Nḷm ḥ c :** 2012-2013 **ṇ VHT :** 2
(30,0,0,0,0,0)

Ḥ ṇ T : **Ḥ c pḥFn :** 122067100712 - Quy họch ṭuỵn ṭnḥ **Ḥ c k8 :** HK02

STT	Mã S	L P SV	H Vê TqN		NGÀY SINH	q IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	q IqM THI	QUY TS : 70.00%	q IqM TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671031505	36CXD7	Võ Bách Khoa		03/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
21	3671031279	36CXD7	Trfn Ng c Duy	Kh	09/12/1993				5.5			5.5	1.7	7.0	4.9	6.6	
22	3671031567	36CXD7	Nguy n Th	L c	26/06/1994				10.0			10.0	3.0	8.0	5.6	8.6	
23	3671031544	36CXD7	Nguy n V	Kh	03/06/1994				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
24	3671031563	36CXD7	Nguy n Th nh	Luân	06/01/1994				3.5			3.5	1.1	1.5	1.1	2.1	
25	3671031557	36CXD7	Phan Th	M h	14/04/1994				3.0			3.0	0.9	7.3	5.1	6.0	
26	3671031553	36CXD7	Võ Hùng	M h	03/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
27	3671031510	36CXD7	L Vln	Mu ng	22/05/1994				4.0			4.0	1.2	3.5	2.5	3.7	N HP
28	3671031478	36CXD7	Ph m Vln	Ngh	22/06/1992				5.5			5.5	1.7	9.0	6.3	8.0	
29	3671031559	36CXD7	Trfn Th Kim	Nguy t	09/04/1994				10.0			10.0	3.0	9.5	6.7	9.7	
30	3671031290	36CXD7	Trfn Anh	Nh	04/11/1993				6.0			6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
31	3671031543	36CXD7	Nguy n T i	Phát	07/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
32	3671031513	36CXD7	Nguy n Th nh	Phong	04/10/1994				9.5			9.5	2.9	7.0	4.9	7.8	
33	3671031273	36CXD7	Phan Thanh	Phúc	01/09/1994				10.0			10.0	3.0	5.0	3.5	6.5	
34	3671031497	36CXD7	Tfn Anh	Ph	22/05/1994				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
35	3671031471	36CXD7	B Vln	Quang	06/10/1993				3.5			3.5	1.1	6.0	4.2	5.3	
36	3671031464	36CXD7	L Nh c Vi	Quân	11/04/1993				2.0			2.0	0.6	5.0	3.5	4.1	
37	3671031278	36CXD7	Lê Phát	Sang	13/12/1994				5.0			5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
38	3671031291	36CXD7	Nguy n Thanh	Sang	07/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

Kh·a h̃ c :	L̃ p h̃ c : 36CXD7	Ñm h̃ c : 2012-2013	q̃ VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H̃ nT :	H̃ c phFn : 122067100712 - Quy hõch t̃uynh	H̃ c k8 : HK02	

STT	Mã S´	L _u P SV	H _ọ Vê TậN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHẫiN						TBC	QUY TS: 30.00%	η IqM THI	QUY TS : 70.00%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671031468	36CXD7	Nguy _{ễn} n η ³ nh S _h n	18/12/1994				6.0			6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	N ^o HP
40	3671031495	36CXD7	Nguy _{ễn} n Vi _ệ t S _h n	26/06/1993				7.0			7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	
41	3671031492	36CXD7	Tr _ở n B ³ nh T _â m	02/09/1993				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
42	3671031469	36CXD7	L ^o Nh _à t T _â n	13/07/1994				7.5			7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	
43	3671031538	36CXD7	L ^o η _à c T _â m	05/10/1994				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
44	3671031590	36CXD7	Tr _ở n Vi _ệ t T _i h	15/09/1994				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
45	3671031280	36CXD7	η _à V _l n T _o àn	05/12/1994				10.0			10.0	3.0	6.5	4.6	7.6	
46	3671031484	36CXD7	Nguy _{ễn} n H _à u T _u m	27/09/1994				5.0			5.0	1.5	7.5	5.3	6.8	
47	3671031504	36CXD7	Ph _ổ n η ³ nh T _u m	19/04/1994				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
48	3671031282	36CXD7	Nguy _{ễn} n V _l n T _ù ng	29/11/1993				8.3			8.3	2.5	5.5	3.9	6.3	
49	3671031526	36CXD7	Nguy _{ễn} n B ³ nh Tr _í u	13/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N ^o HPCT
50	3671031466	36CXD7	Nguy _{ễn} n η _à c Tr _ở ng	17/10/1993				3.0			3.0	0.9	1.5	1.1	2.0	
51	3671031498	36CXD7	L ^o H _à i V _à n	21/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N ^o HPCT
52	3671031300	36CXD7	Nguy _{ễn} n Tr _ở ng V _à m	10/09/1994				5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
53	3671031467	36CXD7	Nguy _{ễn} n Thanh Vi _ệ t	21/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N ^o HPCT
54	3671031499	36CXD7	L ^o H _à ng V _l	26/01/1994				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	

T'ng s' : 54 h' c sinh sinh vi' n

Tp.HCM, ngày / /

Trẻ ng Khoa

Gişo Vi^on B₁ M¹ n

Gişo V... Khoa